



Journal of Mining and Earth Sciences

Website: <http://jmes.humg.edu.vn>



A discussion about the management practices over the collection and use of the environmental fees in the mining industry



Thai Thi Phan *

Faculty of Economics and Business Administration, Hanoi University of Mining and Geology, Vietnam

ARTICLE INFO

Article history:

Received 9th Aug. 2020

Revised 3rd Oct. 2020

Accepted 31st Oct. 2020

Keywords:

Environmental protection fees (EPF),
Mining industry,
Mineral activity,
Management.

ABSTRACT

This article will brief through the current practices of collecting and utilizing the environmental protection fees at the localities, point out the results, and highlight the remaining aspects along with their root causes. From there, the article will suggest recommendations in order to emphasize effective management over the collection of the environmental fee in Vietnam.

Copyright © 2020 Hanoi University of Mining and Geology. All rights reserved.

*Corresponding author

E-mail: phanthithai@humg.edu.vn

DOI: 10.46326/JMES.KTQT2020.07



Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất

Trang điện tử: <http://tapchi.humg.edu.vn>



Bàn về quản lý thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản

Phan Thị Thái *

Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình:

Nhận bài 9/8/2020

Sửa xong 3/10/2020

Chấp nhận đăng 31/10/2020

Từ khóa:

Khai thác khoáng sản,
Phí bảo vệ môi trường
(BVMT),
Quản lý.

TÓM TẮT

Bài báo khái quát thực trạng quản lý thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường ở các địa phương trong giai đoạn vừa qua, chỉ ra những mặt làm được, mặt tồn tại và nguyên nhân cơ bản của thực trạng đó. Từ đó, bài báo đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng cường quản lý thu và sử dụng có hiệu quả phí bảo vệ môi trường ở các địa phương của Việt Nam.

© 2020 Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Tất cả các quyền được bảo đảm.

1. Mở đầu

Khai thác khoáng sản có tác động lớn, ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh. Cộng đồng địa phương là đối tượng chịu ảnh hưởng do tác động môi trường, đặc biệt về các vấn đề như chất lượng môi trường sống, sinh kế và sức khỏe. Để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường nhằm phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường đòi hỏi chính quyền các cấp phải vào cuộc quyết liệt bằng cả biện pháp hành chính, kinh tế và giáo dục. Trong đó, biện pháp kinh tế được thực hiện thông qua các chính sách quản lý nhà nước về thu, chi thuế và phí bảo vệ môi trường (BVMT).

Đối với phí BVMT, công cụ pháp lý về quản lý thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản của Việt Nam hiện nay là Nghị

định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/12/2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 thay thế Nghị định số 12/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/02/2016. Trong đó:

- Về quản lý thu phí được quy định tại "Điều 6. Kế khai, nộp phí BVMT:

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp hồ sơ khai phí BVMT với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp cùng nơi kê khai nộp thuế tài nguyên,...

2. Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản là loại khai theo tháng và quyết toán. Khai quyết toán phí BVMT đối với khai thác khoáng sản bao gồm khai quyết toán năm và khai quyết toán đến thời điểm chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản, chấm dứt hoạt động thu mua gom khoáng sản, chấm dứt hoạt động kinh doanh, chấm dứt hợp đồng chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp" (Chính phủ, Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016).

- Về quản lý sử dụng phí được quy định tại "Điều 8. Quản lý sử dụng phí BVMT:

*Tác giả liên hệ

E - mail: phanthithai@humg.edu.vn

DOI: 10.46326/JMES.KTQT2020.07

1. Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản, không kể dầu thô và khí thiên nhiên, khí than là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật bảo vệ môi trường và Luật ngân sách nhà nước, theo các nội dung cụ thể sau:

a) Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

c) Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

d) Nơi có hoạt động khai thác khoáng sản quy định tại khoản này là nơi thực tế diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản và các khu vực bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản theo địa bàn quản lý của cấp xã và cấp huyện,...

3. UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí sử dụng nguồn phí BVMT thu được cho công tác bảo vệ môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Chậm nhất là trước ngày 31/3 hằng năm, cơ quan thu phí bảo vệ môi trường có trách nhiệm thông tin công khai: Số lượng khoáng sản khai thác, số lượng đất đá bốc xúc thải ra, số phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mà doanh nghiệp đã nộp của năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo địa phương, đài phát thanh địa phương, đài truyền hình địa phương, trang thông tin điện tử của cơ quan thu phí và các hình thức phù hợp khác để người dân được biết (Chính phủ, Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016).

Dựa trên Nghị định 164/NĐ-CP, các tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về mức thu phí BVMT đối với từng loại khoáng sản và sử dụng quỹ BVMT chi cho hoạt động BVMT trong thực tế.

2. Thực trạng quản lý thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản

2.1. Thực trạng quản lý thu phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản

Trong những năm qua, cùng với sự thay đổi văn bản pháp lý liên quan như thay đổi Nghị định của Chính phủ, các quyết định của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh,... là sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương nên số tiền thu phí BVMT trong khai thác khoáng sản có sự tăng lên khá mạnh, thể hiện qua số liệu thống kê trong Bảng 1.

Đóng góp lớn vào nguồn thu này vẫn là các địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản phát triển mạnh như Quảng Ninh, Yên Bái, Nghệ An, Bình Định, Thái Nguyên, KonTum,... Đây là nguồn thu quan trọng để thực hiện hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, thực trạng thu phí BVMT trong khai thác khoáng sản tại một số địa phương vẫn còn một số tồn tại:

- Thứ nhất, vẫn còn nhiều doanh nghiệp ở các địa phương nợ, chậm nộp phí BVMT. Ví dụ, tại tỉnh Yên Bái, trên địa bàn tỉnh hiện có hơn 110 điểm mỏ. Đến hết năm 2019, các dự án còn nợ phí BVMT với tổng số tiền là 6.377 triệu đồng; tỉnh Cao Bằng, các dự án khai thác khoáng sản (trong đó có một số mỏ hết hạn giấy phép khai thác, đang làm thủ tục đóng cửa mỏ) còn nợ phí BVMT với số tiền 3.118 triệu đồng; tỉnh Bắc Kạn, các doanh nghiệp vẫn còn nợ 35.131 triệu đồng phí BVMT; tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2011÷2015 tổng số thu phí BVMT là 121,018 triệu đồng, năm 2019 thu được của 78 đơn vị số tiền 2.843,98 triệu đồng, đến cuối năm 2019 còn 17 dự án nợ phí BVMT với tổng số tiền 1.508,4 triệu đồng; tỉnh Lai Châu, đến cuối năm 2019 vẫn còn 7 dự án nợ phí BVMT; tỉnh Tuyên Quang, tính từ năm 2011÷2015, tổng số thu từ phí BVMT là: 83,982 tỉ đồng, 22 dự án còn nợ phí BVMT với số tiền 4.105,0 triệu đồng[1,5]; tỉnh Nghệ An: từ năm 2011÷2015 phí bảo vệ môi

Bảng 1. Số thu phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản qua các năm của cả nước (Không bao gồm thu phí BVMT đối với dầu thô và khí thiên nhiên).

Chỉ tiêu	Năm				
	2015	2016	2017	2018	2019
Số thu phí BVMT trong khai thác khoáng sản (tỉ đồng)	1.923,6	2.188,6	2.452,9	2.667,3	2.872,4
Tốc độ tăng hàng năm (%)	100	113,8	112,1	108,7	107,7

trường là 187,572 tỉ đồng, năm 2016 là: 67 tỉ đồng, năm 2019 là 88,994 tỉ đồng. Kết quả kiểm tra năm 2019 cho thấy, còn hàng chục doanh nghiệp nợ tiền phí BVMT và một số đã bị xử lý (Báo cáo thường niên, Tổng cục địa chất và khoáng sản).

- Thứ hai, tình trạng khai thác tài nguyên trái phép, không kê khai và nộp phí BVMT đúng quy định vẫn xảy ra. Một số trường hợp doanh nghiệp kê khai thiếu sản lượng tài nguyên khai thác, kê khai sai chủng loại tài nguyên nhằm áp dụng mức phí thấp hơn, kê khai chậm so với thời hạn vẫn đang xảy ra ở nhiều địa phương.

- Thứ ba, tại một số địa phương, mỏ khoáng sản đã được cấp giấy phép từ nhiều năm nhưng không hoạt động và không thu được quỹ BVMT. Ví dụ như: tỉnh Hà Giang đã cấp phép cho 5 dự án khai thác khoáng sản với tổng diện tích 159,23 ha, đã nhiều năm nay nhưng không tiến hành khai thác, không thực hiện nghiêm túc pháp luật về BVMT trong đó có thu phí BVMT nhưng vẫn không bị xử lý HĐND tỉnh Phú Thọ, Nghị quyết số 13/2018/NQ - HĐND ngày 13/12/2018.

2.2. Thực trạng quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản

Việc sử dụng quỹ BVMT trong khai thác khoáng sản tại một số địa phương cho thấy, về cơ bản phí BVMT đã thực hiện để: Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản là nơi thực tế diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản và các khu vực bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản theo địa bàn quản lý của cấp xã và cấp huyện theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Nghị định 164/NĐ – CP. Tuy nhiên, việc sử dụng quỹ này vẫn còn một số bất cập:

- Thứ nhất, quy định về tỉ lệ phân chia phí BVMT của các tỉnh còn có sự khác nhau rất nhiều và khá cứng nhắc từ nhiều năm nay, ví dụ về tỉ lệ phân chia của một số tỉnh trong Bảng 2. Trong đó, số tiền được chi cho đơn vị thu phí là chưa đúng với quy định tại Nghị định 164/NĐ – CP.

- Thứ hai, một số địa phương đã sử dụng tiền phí BVMT chưa đúng mục đích phục vụ công tác BVMT. Ví dụ như tỉnh Hà Giang, UBND tỉnh chi tổng số tiền 18.539 triệu đồng, trích từ nguồn thu phí BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ cho 7 công trình, dự án về thủy lợi, nhà lưu trú học sinh. Trong khi đó, trên địa bàn tỉnh chưa có doanh nghiệp có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, gây khó khăn cho việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của các dự án khai thác khoáng sản (HĐND tỉnh Phú Thọ, Nghị quyết số 13/2018/NQ - HĐND ngày 13/12/2018).

- Thứ ba, việc sử dụng phí BVMT hiện nay có hiệu quả thấp. Một số địa phương sử dụng kinh

Bảng 2. Quy định về tỉ lệ trích phí bảo vệ môi trường của một số địa phương.

Tỉnh	Tỉ lệ phân chia phí BVMT (%)			
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Đơn vị thu phí
Quảng Ninh. (HĐND tỉnh Quảng Ninh, Nghị quyết số 61/2017/NĐ-HĐND ngày 07/7/2017)			100	
Hà Giang. (HĐND tỉnh Hà Giang, Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016)	40	60		
Điện Biên. (UBND tỉnh Điện Biên, Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017)	50			50 ^(*)
Phú Thọ (HĐND tỉnh Phú Thọ, Nghị quyết số 13/2018/NQ - HĐND ngày 13/12/2018)	20	30	50	
Thanh Hóa (HĐND tỉnh Thanh Hóa, Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND, ngày 8/12/2016)		60	40	
Nghệ An (HĐND tỉnh Nghệ An, Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND, ngày 12/12/2018)	50	40	10	

^(*) Năm 2020 không còn khoản thu này nữa, 100% nộp ngân sách cấp tỉnh

phí còn dàn trải, chưa tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc thuộc phạm vi quản lý. Ví dụ như tỉnh Nghệ An đã dùng tiền phí BVMT để khai thác khoáng sản ở khu vực đã có quyết định đóng cửa mỏ. Tuy nhiên, còn có những bất cập về tỉ lệ phân chia kinh phí đối với các địa phương cấp huyện, xã có liên quan trực tiếp đến hoạt động khoáng sản. Chẳng hạn, việc khai thác khoáng sản thiếc sa khoáng ven sông, không chỉ địa phương nơi trực tiếp khai thác mỏ chịu ảnh hưởng xấu đến môi trường, mà phía hạ lưu của sông cách nơi khai thác hàng chục km thuộc địa phương khác cũng vẫn chịu ảnh hưởng xấu này. Đặc biệt, một số nơi, vào mùa mưa lũ nước sẽ cuốn bùn và đá thải đưa đến ruộng lúa, hoa màu của người dân ở vùng hạ lưu, gây tổn thất nặng nề do mất đất sản xuất mà chưa được khắc phục hậu quả một cách thỏa đáng (Báo cáo thường niên Quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản của tỉnh Nghệ An).

- Thứ tư, tổng kinh phí thu được từ thuế, phí BVMT chưa đủ để đầu tư trở lại cho các công trình xử lý môi trường nên nhiều địa phương không có nguồn thu để thực hiện chỉ cho các nhiệm vụ BVMT.

2.3. Nguyên nhân cơ bản của thực trạng

- Thứ nhất, chính quyền của một số địa phương chưa vào cuộc quyết liệt. Tại một số địa phương, cơ chế phối hợp cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước, thuế liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên chưa kịp thời, kiểm tra phát hiện vi phạm còn chậm. Mặt khác, chính quyền địa phương chưa mạnh tay trong việc xử lý những doanh nghiệp chây ì, nợ đọng nghĩa vụ nộp phí BVMT hoặc ký quỹ BVMT.

- Thứ hai, hầu hết các địa phương chưa thực hiện Khoản 4 Điều 8 của Nghị định 164/NĐ-CP, đó là trước ngày 31/3 hằng năm, các cơ quan thu phí BVMT chưa thông tin công khai: Số lượng khoáng sản khai thác, số lượng đất đá bốc xúc thải ra, số phí BVMT đối với khai thác khoáng sản mà doanh nghiệp đã nộp của năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân được biết. Việc làm này đã làm cho người dân không biết, không kiểm tra giám sát hoạt động liên quan đến BVMT của các doanh nghiệp khai khoáng một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, thời gian vừa qua, Kiểm toán nhà nước đã tiến hành một số cuộc kiểm toán môi

trường hoặc lồng ghép với các cuộc kiểm toán ngân sách, kết quả cho thấy, ở nhiều địa phương, cơ quan chuyên môn là Sở Tài nguyên và Môi trường chưa tham gia vào việc phân bổ, thực hiện nguồn chi như đã quy định tại (Thông tư liên tịch số 02/2017/TT-BTC); chưa có sự giám sát chặt chẽ của hội đồng nhân dân các cấp.

- Thứ ba, chế độ tài chính cho hoạt động BVMT trong khai thác khoáng sản tuy đã được sửa đổi nhiều lần nhưng vẫn còn thiếu nhiều mục chi. Một số nội dung chi, định mức, đơn giá chi để thực hiện các nhiệm vụ BVMT còn chưa phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Một số kiến nghị về tăng cường quản lý thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường

Với thực trạng trên, để tăng cường quản lý phí BVMT thì các bộ, ngành, địa phương liên quan cần làm tốt một số điểm sau:

3.1. Tăng cường quản lý thu phí bảo vệ môi trường

- Một là, các cơ quan chức năng, chính quyền các địa phương cần tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Cơ quan quản lý chuyên ngành tài nguyên cần trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời để cơ quan thuế làm tốt công tác quản lý, xử lý các trường hợp vi phạm khi khai thác. Các cơ quan chức năng cần xử lý nghiêm các hành vi khai thác tài nguyên bất hợp pháp; hành vi trốn thuế, gian lận phí, khai sai phí,...

- Hai là, lãnh đạo cục thuế của các tỉnh cần chỉ đạo các phòng, chi cục thuế có văn bản triển khai, hướng dẫn chính sách, nghĩa vụ về phí BVMT đối với hoạt động khai thác khoáng sản để người nộp thuế kê khai bổ sung, khắc phục vi phạm.

- Ba là, các đơn vị phải chủ động rà soát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế có phát sinh khai thác khoáng sản; đặc biệt kiểm tra người nộp thuế thực hiện dự án đầu tư, có công trình xây dựng cơ bản để thu đúng, đủ, kịp thời tiền phí BVMT vào ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

- Bốn là, phải triển khai trên diện rộng công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế và xem xét kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp theo chuyên đề về nộp phí BVMT; thu thập thông tin chủng loại, số lượng khoáng sản từ hồ sơ dự án, xây dựng, cải tạo. Ngoài ra, cơ quan thuế phải rà

soát các trường hợp có nộp tờ khai thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản nhưng không kê khai phí BVMT.

- Năm là, các địa phương cần thực hiện công khai, minh bạch số phí BVMT mà người nộp thuế phải nộp theo quy định của Khoản 4 Điều 8 của Nghị định 164/NĐ-CP để cộng đồng biết và giám sát hoạt động liên quan đến BVMT của các doanh nghiệp khai khoáng một cách hiệu quả.

3.2. Tăng cường quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường

- Một là, cơ quan quản lý cần rà soát và điều chỉnh các quy định hiện nay về sử dụng phí BVMT theo hướng: Cùng với việc khắc phục tình trạng sử dụng kinh phí còn phân tán, dàn trải, quá tập trung vào quản lý chất thải, cần tập trung phần kinh phí tăng thêm vào các nhiệm vụ trọng tâm, các điểm nóng; hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường mang tính chất tạo đà, mở đường để thu hút, huy động các nguồn lực trong xã hội. Đồng thời, điều chỉnh quy trình quản lý tài chính sao cho các cơ quan quản lý nhà nước không chỉ làm nhiệm vụ tổng hợp dự toán chi môi trường một cách hành chính thụ động, theo những tỉ lệ cứng nhắc mà địa phương quy định mà phải tích cực và chủ động trong khâu phân bổ chi phí, sau đó báo cáo Ủy ban nhân dân địa phương, trình Hội đồng nhân dân xem xét, phê duyệt.

- Hai là, chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương đưa nội dung kiểm điểm công tác môi trường vào báo cáo tổng kết, đánh giá định kỳ của đơn vị; chú trọng việc phát động phong trào BVMT; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm BVMT trong toàn dân;

- Ba là, tăng cường hiệu quả chi BVMT thông qua công tác kiểm toán. Qua các cuộc kiểm toán này, Kiểm toán nhà nước kiến nghị xử lý tài chính đồng thời kiến nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, rà soát, điều chỉnh định mức, đơn giá đã lỗi thời; bố trí hợp lý các dự án, đề án về môi trường; quản lý chặt chẽ nội dung, chất lượng, đảm bảo các đề án, dự án được ứng dụng vào thực tiễn có hiệu quả.

Hiện nay, kế hoạch kiểm toán môi trường lồng ghép với các cuộc kiểm toán ngân sách nên khó có thể đánh giá tổng thể về nội dung chi để đi đến các

kết luận, kiến nghị mang tính vĩ mô có tác động nhanh chóng và trực tiếp đến công tác BVMT. Vì vậy, để phát huy hơn nữa vai trò của mình, kiểm toán nhà nước cần có những giải pháp triệt để, lâu dài, cụ thể là: hoàn thiện công tác tổ chức kiểm toán, hoàn thiện quy trình kiểm toán và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ kiểm toán, đa dạng hóa các loại hình kiểm toán ngân sách địa phương, trong đó có nội dung kiểm toán chi BVMT với yêu cầu đây là cuộc kiểm toán hoạt động chứ không phải là cuộc kiểm toán tài chính.

4. Kết luận

Phí BVMT trong khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách nhằm phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường, tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có khai thác khoáng sản. Vì vậy, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải có nghĩa vụ nộp đủ phí BVMT mà không phân biệt loại hình hoạt động khai thác, không phụ thuộc vào mục đích có thu hồi, sử dụng khoáng sản, trừ đối tượng không phải nộp phí BVMT đã được quy định. Để tăng cường quản lý thu và sử dụng BVMT đòi hỏi phải có sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản, cơ quan thuế, kiểm toán nhà nước trong việc ban hành các cơ chế phối hợp, các quy chế tổ chức hoạt động, tuyên truyền phổ biến văn bản pháp lý liên quan; đồng thời, cần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ kiểm toán và minh bạch số phí BVMT mà người nộp thuế phải nộp để cộng đồng biết và giám sát hoạt động liên quan đến BVMT của các doanh nghiệp khai khoáng một cách hiệu quả.

Những đóng góp của tác giả

Phan Thị Thái: Phương pháp luận; Phân tích dữ liệu; Điều tra, khảo sát; Viết bản thảo bài báo; Đánh giá và chỉnh sửa.

Tài liệu tham khảo

- Báo cáo thường niên Quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản của tỉnh Nghệ An, *Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản*.
 Bộ tài chính. Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017. Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, *Thư viện pháp luật*.

- Chính phủ. Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016. Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. *Thư viện pháp luật*.
- Chính phủ. Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016. Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. *Thư viện pháp luật*.
- Thái Hải, (2020). Hoàng loạt vi phạm về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, *Báo Thanh tra – Cơ quan của thanh tra Chính phủ và ngành Thanh tra*, ngày 16/7/2020. Link: <https://thanhtra.com.vn/thanh-tra/ket-luan-thanh-tra/hang-loat-vi-pham-ve-bao-ve-moi-truong-trong-khai-thac-khoang-san-168186.html>
- HĐND tỉnh Phú Thọ. Nghị quyết số 13/2018/NQ - HĐND ngày 13/12/ 2018. Sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 09/2016/NĐ – HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, tỉ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017÷2020. *Thư viện pháp luật*.
- HĐND tỉnh Nghệ An. Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND, ngày 12/12/2018. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. *Thư viện pháp luật*.
- HĐND tỉnh Quảng Ninh. Nghị quyết số 61/2017/NĐ-HĐND ngày 07/7/2017. Quy định mức thu và tỷ lệ trích để lại của phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. *Thư viện pháp luật*.
- HĐND tỉnh Hà Giang. Nghị quyết số 22/2016/NQ- HĐND ngày 21/7/2016. Quy định về Phí Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang. *Thư viện pháp luật*.
- HDND tỉnh Thanh Hóa. Nghị quyết số 24/2016/NQ- HĐND, ngày 8/12/2016. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020, tỉnh Thanh Hóa. *Thư viện pháp luật*.
- UBND tỉnh Điện Biên Quyết định số 19/2017/QĐ- UBND ngày 10/8/2017. Ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí, đối tượng nộp, đơn vị thu và tỷ lệ phân chia tiền thu các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên. *Thư viện pháp luật*.